

# THỜ MẪU - TÍN NGƯỠNG TRUYỀN THỐNG BẢN ĐỊA VIỆT NAM

ĐẶNG VIỆT BÍCH

Nước ta vốn đa tôn giáo và có nhiều tôn giáo lớn, song lại không thể chỉ ra đâu là quốc đạo. Có một thời kỳ Phật giáo từng chiếm vị trí độc tôn (triều Lý và triều Trần) nhưng cũng chỉ kéo dài khoảng ba đến bốn thế kỷ. Từ đời Lê Thánh Tông, triều đình Đại Việt đề cao Nho giáo như là hệ tư tưởng chính thống của vương quốc. Sự hiện diện trong xã hội Việt Nam một cộng đồng Thiên Chúa giáo (khoảng sáu triệu dân) cũng là một điểm độc đáo cần nhắc tới. Nhưng dù Phật, dù Nho hay Thiên Chúa giáo thì cũng đều có nguồn gốc ngoại lai, được truyền bá vào nước ta ở những thời kỳ lịch sử khác nhau.

Vậy đâu là tín ngưỡng truyền thống của dân tộc Việt Nam ?

1. Người Việt Nam có truyền thống thờ nữ thần, đó là hệ quả của một đời sống tâm linh của cư dân lấy sự trồng cấy nông nghiệp, đặc biệt là trồng cấy lúa nước làm cơ sở cho hoạt động kinh tế. Thủy tổ quốc mẫu là mẹ Âu Cơ và những nữ thần các giai đoạn khác lần lượt là Mỹ Nương, Mẫu Nương và Liễu Hạnh. Người Việt Nam thoát tiên tôn mẹ Âu Cơ làm *quốc mẫu*. Ngày nay quanh đền Hùng còn có đền thờ mẹ Âu Cơ. Sau Âu Cơ, một người phụ nữ khác cần được nhắc tới là công chúa Mỹ Nương, con gái Hùng Vương thứ mười tám, người đã kết duyên cùng

thần núi Tản Viên - Sơn Tinh. Sơn Tinh cùng Thủy Tinh là hai người cùng đến cầu hôn Mỹ Nương nhưng Thủy Tinh đến muộn nên thua Sơn Tinh. Sơn Tinh là thần núi, Thủy Tinh - thần nước. Cả hai đều là thần linh và đều có ý nghĩa biểu tượng. Sơn Tinh cưới Mỹ Nương, có nghĩa là một đám cưới của cư dân thờ sơn thần với cư dân thờ nữ thần nông nghiệp - nữ thần *Mẹ Lúa*.

Người phụ nữ tiếp theo mà chúng ta cần nhắc tới chính là Man Nương, người con gái phục vụ nhà sư Khâu Đà La (sư Đổ - Lê) - từ Ấn Độ tới nước ta truyền bá đạo Phật. Sự tích Man Nương - Khâu Đà La gắn liền với chùa Dâu, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh. Phật thoại Man Nương ngụ ý Phật giáo muốn bám rễ được ở Giao Chỉ thì cần kết hợp với tín ngưỡng bản địa thờ nữ thần.

Mỹ Nương tương ứng với thời Hùng Vương, Man Nương là thời kỳ đạo Phật vào nước ta, còn bà chúa Liễu Hạnh chính là sự tương ứng với thời kỳ phục hưng của truyền thống thờ nữ thần của cư dân bản địa người Việt. Như vậy, *truyền thống thờ nữ thần có thể coi như hàng số văn hoá của người Việt*. Nếu biểu diễn trên mô hình, truyền thống này sẽ là mẫu số, còn tử số là Âu Cơ, Mỹ Nương, Man Nương, Liễu Hạnh.

Âu Cơ	Mỹ Nương	Man Nương	Liễu Hạnh
Truyền thống thờ nữ thần của người Việt			

2. Tại sao hiện tượng Mẫu Liễu lại xuất hiện vào cuối thế kỷ XVI mà không xuất hiện trước hoặc sau đó ?

Hiện tượng thờ Mẫu Liễu Hạnh như một tín ngưỡng truyền thống bản địa xuất hiện vào nửa

sau thế kỷ XVI hoàn toàn có nguyên do lịch sử của nó và chúng ta có thể giải thích được điều này.

Khi nước nhà đã giành được nền độc lập thì lần lượt Phật giáo và Nho giáo đã chiếm giữ vị trí



quốc giáo (đạo Phật) và hệ tư tưởng chủ đạo của quốc gia (Nho giáo). Từ thế kỷ X, Phật giáo là quốc đạo. Còn từ thời Lê Thánh Tông, Nho giáo đóng vai trò hệ tư tưởng rường cột của đất nước. Tuy nhiên giữa Nho và Phật có sự tranh giành, lúc ngấm ngấm lúc công khai trong các triều Lý và Trần. Đến Lê Thánh Tông thì vị trí chủ yếu của Nho giáo chính thức được xác lập.

Nho giáo là hệ tư tưởng chính trị, đạo đức, nhân sinh. Nó phục vụ chính trị, phục vụ cho chế độ phong kiến. Nho giáo thích ứng với chế độ phong kiến trung ương tập quyền mạnh. Còn trong dân gian, người ta vẫn cần đến những thứ tôn giáo, tín ngưỡng như Phật chẳng hạn, dù cho Nho giáo hiện diện mạnh mẽ ở nước ta trong thời kỳ Lê Thánh Tông và những thời kỳ sau.

Tuy nhiên trong thế kỷ XVI tình hình chính trị có những xáo trộn to lớn, dẫn đến sự xuất hiện và phát triển của trào lưu tín ngưỡng thờ bà chúa Liễu Hạnh. Chế độ phong kiến trung ương tập quyền triều Lê, sau khi đạt tới sự phát triển cao độ trong thời Hồng Đức thì trở nên suy yếu, rơi vào tình trạng khủng hoảng trong hai đời vua Tương Dục và Uy Mục. Mạc Đăng Dung, danh tướng nắm binh quyền đã tìm cách cướp ngôi vua Lê, dựng lên triều Mạc (1527). Tuy nhiên không bao lâu sau, triều Mạc lại rơi vào tình trạng khủng hoảng. Năm 1534 một cự thần nhà Lê là Nguyễn Kim phát cờ Lê Trung Hưng, đóng bản doanh ở Thanh Hoá chống lại triều đình ở Thăng Long trong tay họ Mạc. Thiên hạ hình thành thế Nam - Bắc triều (thiên hạ phân đôi). Nhân tâm bị ly tán. Người thì ủng hộ nhà Mạc, kẻ thì theo nhà Lê Trung Hưng. Sự kiện Mạc cướp ngôi Lê phản ánh sự suy yếu của đạo Nho - đạo quân thần: *Thần (bấy tôi) cướp ngai vua của Quân (nhà vua)*. Hai triều đình đánh nhau, uy thế của Nho giáo bị suy yếu nghiêm trọng.

Lúc này, tâm thế xã hội bị phân đôi, được phản ánh ngay trong *cách hành xử* của nhân vật được coi là kẻ trí giả lớn nhất của thời đại lúc ấy

là Trạng Trình - Nguyễn Bình Khiêm. Trạng Trình hay chữ, học giỏi, thi đỗ và làm quan cho nhà Mạc. Nhưng giữa chừng ông cảm thấy số phận nhà Mạc kém bền vững nên đã cáo quan về hưu, tự nguyện vui thú cùng hoa thơm, trăng thanh, gió mát... cho quên ngày tháng.

Nho giáo là sự khẳng định vai trò tuyệt đối của Thiên Tử (vua) cũng như vai trò của nam quyền, phụ quyền. Với đặc tính như thế Nho giáo mâu thuẫn với truyền thống tín ngưỡng bản địa thờ nữ thần, ca ngợi người mẹ - mẹ đất, mẹ lúa.

Trước khi hiện tượng thờ chúa Liễu Hạnh xuất hiện thì ở nước ta thời trung thế kỷ và trước đó đã có đạo *Tam phủ*. *Tam phủ* bao gồm *Thiên phủ* (phủ Trời) với bà chúa Thượng Thiên, *Nhạc phủ* (phủ Rừng Xanh) với bà chúa Rừng Xanh - bà chúa Thượng Ngàn và *Thủy phủ*, dân gian gọi là *phủ Thoải* (phủ Nước) với bà chúa Thoải. Các *phủ* ở đây là những thế giới khác nhau, theo quan niệm cổ truyền từ rất xa xưa của người Việt chúng ta. Người ta cũng sử dụng khái niệm *cõi*, tương đương với *phủ*; ví dụ: “Trăm năm trong *cõi người ta*” (Kiều).

*Cõi người, cõi trần, cõi trần thế, cõi nhân gian, cõi người ta, cõi nhân thế...* tương đương với *Nhân phủ* hoặc *Địa phủ* của bà chúa Liễu. *Cõi người, cõi trần, cõi đời ...* được phân biệt khác với *cõi trời* (*Thiên phủ*) hay *cõi tiên* (*Thiên phủ, Nhạc phủ*). Các khái niệm *phủ, cõi, hay cung* được sử dụng ngang nhau, nghĩa là các *thế giới*. Tuy nhiên *phủ, cung* có nghĩa hẹp của nó, là cái *phủ*, phân biệt phủ Giấy với phủ Tây Hồ chẳng hạn; hay phủ Vân Cát phân biệt với phủ Tiên Hương. Nghĩa của *phủ* ở đây hẹp hơn nghĩa các thế giới, nghĩa là công trình kiến trúc tôn giáo, điện thờ.

Sự xuất hiện của *Nhân phủ*, còn được gọi là *Địa phủ*, với bà Chúa Liễu Hạnh đã làm hoàn chỉnh cái gọi là *Tứ phủ*:

### Tứ phủ và đối tượng thờ cúng

Phủ	Thờ cúng
Thiên Phủ	Bà chúa Thượng Thiên, Cửu trùng Thánh Mẫu, Thiên cung Thánh Mẫu, Cửu thiên Huyền Nữ
Nhạc Phủ	Bà chúa Thượng Ngàn, Lâm cung Thánh Mẫu
Thủy Phủ	Bà chúa Thoải, Mẫu Thoải, Thủy cung Thánh Mẫu
Nhân Phủ	Bà chúa Liễu Hạnh, Địa cung Thánh Mẫu

Khái niệm *Tam toà Thánh Mẫu* thuộc phạm trù Tam phủ, khái niệm *Tứ phủ Công Đồng* thuộc phạm trù đạo Tứ phủ.

3. Hiện tượng thờ Bà Chúa Liễu, một mặt phản ánh sự suy yếu của Nho giáo và chế độ phong kiến trung ương tập quyền Đại Việt, mặt khác, là sự phản ứng quyết liệt, mạnh mẽ tư tưởng Nho gia coi trọng nam quyền và phụ quyền, xem khinh vai trò của phụ nữ và người mẹ.

Nhưng sự xuất hiện của hiện tượng Mẫu Liễu từ thập kỷ 70 của thế kỷ XVI còn phản ánh một thực tế lịch sử khác không kém phần thú vị mà chúng ta cần hiểu rõ.

Năm 1533 cố đạo Inêkhô (có lẽ là Ignato) người Bồ Đào Nha (Portugal) đến nước ta truyền giáo, đổ bộ vào vùng Ninh Cường, Hải Hậu (nay

vùng này còn nhà thờ Ninh Cường, đánh dấu sự đổ bộ của Công giáo nói riêng cũng như đạo Thiên Chúa Cơ Đốc nói chung vào nước ta). Sau này còn có nhiều cha cố Tây Âu khác nữa xuất hiện ở nước ta.

Sự xuất hiện và phát triển tín ngưỡng thờ Mẫu cũng chính là sự phản ứng một cách rất quyết liệt của truyền thống tín ngưỡng bản địa với xu hướng tôn giáo ngoại lai từ Tây phương tới. Hiện tượng thờ Mẫu Liễu Hạnh phản ánh hai khuynh hướng quan trọng chống đối lại những hệ tư tưởng và tôn giáo ngoại lai: Khổng giáo đến từ Trung Hoa và Công giáo đến từ Tây Âu. Nhưng nó cũng phản ánh xu hướng phủ định vai trò của chính quyền phong kiến trung ương tập quyền, vai trò của vương triều. Vấn đề này, được khái quát qua bảng sau:

Tôn giáo và tư tưởng ngoại lai	Tín ngưỡng bản địa Việt
1. Khổng giáo đến từ Trung Hoa khẳng định nam quyền, phụ quyền và vương quyền (chính quyền trung ương tập quyền, khuynh hướng hướng tâm).	Đạo Tứ Phủ khẳng định: 1. Vai trò và uy quyền người đàn bà, người mẹ. 2. Tín ngưỡng dân gian (xu hướng ly tâm).
2. Thiên chúa giáo đến từ Tây Dương (Âu Tây).	

Nhưng tại sao đạo Tứ Phủ không phát sinh ở Thăng Long hay ở những địa phương khác như xứ Đoài, trấn Hưng Hoá, xứ Kinh Bắc hay trấn Hải Đông?

Điều này có duyên cớ của nó. Vùng Thiên Trường (Sơn Nam Hạ), cụ thể là vùng Phủ Giầy,

Vụ Bản lúc này hội đủ những yếu tố, những nhân tố để hình thành nên tín ngưỡng thờ Mẫu. Phủ Giầy nằm không xa biển, cách đây năm thế kỷ còn rất gần biển và cũng không xa Ninh Cường. Sự ra đời của nó chính là sự phản ứng lại đạo Thiên Chúa đổ bộ vào Ninh Cường và duyên hải



Sơn Nam Hạ, mở đầu cho cả một quá trình xâm nhập lâu dài vào Việt Nam. Thiên Chúa giáo cấm đoán việc thờ cúng tổ tiên. Điều này gây ra những phản cảm với khá đông đảo người Việt. Khi vào Việt Nam, Thiên Chúa giáo cũng bị khúc xạ ít nhiều. Đã xuất hiện không ít nhà thờ Công giáo thờ Đức Mẹ Maria. Tại vùng Sơn Nam Hạ đã xuất hiện ý tưởng phản kháng kịch liệt khuynh hướng theo Công giáo ngoại lai và thức tỉnh truyền thống thờ Mẫu cố hữu của dân tộc. Người Công giáo có Đức Mẹ Maria của họ, thì chúng ta đây, người Việt cũng có Mẫu của mình. Sự xuất hiện Mẫu Liễu Hạnh ở Sơn Nam Hạ là tất yếu. Tại đây có đủ cả núi non (núi Gôi - Côi Sơn), rừng rú. Chắc chắn trước đây trên núi có rừng rậm. Nơi đây thuận lợi cho sự hình thành đạo Tứ phủ với đầy đủ *phủ Giời, Nhạc phủ, phủ Thoái và Địa phủ*.

Đương nhiên, trong sự xuất hiện của tín ngưỡng thờ Mẫu Liễu Hạnh có vai trò của trí thức, của giới có học. Chính họ là những người hiểu rõ tâm thế xã hội của thời Lê - Mạc phân tranh. Cũng chính họ chứ không phải ai khác đã từ nguyên mẫu - con gái ông Lê Thái Công - vẽ nên sự tích ly kỳ bà Chúa Liễu Hạnh, người được coi là sống nhiều cuộc đời, có nhiều kiếp, chết đi sống lại nhiều lần, vốn là tiên nữ, công chúa con nhà trời bị đẩy ải xuống trần gian.

Nữ sĩ Đoàn Thị Điểm (1705 - 1748), người được thiên hạ xem là tác giả bản dịch *Chinh phụ ngâm* với nguyên bản Hán văn của Đặng Trần Côn, là người chép sự tích Liễu Hạnh sớm nhất, trong sách *Truyện kỳ tân phá*.

Tóm tắt sự tích ly kỳ về bà chúa Liễu Hạnh như sau:

*Tại làng An Thái, xã Vân Cát, huyện Thiên Bản (nay là huyện Vụ Bản) có ông Lê Thái Công. Năm Thiên Hựu, đời vua Lê Anh Tông (1557) vợ ông Lê Thái Công hoài thai, quá 9 tháng 10 ngày*

*thì mắc bệnh, chữa mãi không khỏi, cũng chưa sinh con được. Có đạo sĩ đến giúp ông Lê Thái Công nằm mộng, ông được lên thiên đình. Công chúa Quỳnh Hoa trên thiên đình bị mắc lỗi, phải đẩy xuống trần gian.*

*Khi tỉnh dậy, vợ ông vừa sinh được một nhi nữ, được đặt tên là Giáng Tiên. Cô gái lớn lên xinh đẹp tuyệt vời mà tài cán, kỳ, thi, họa cũng tuyệt vời. Giáng Tiên được gả cho Đào Lang, con nuôi nhà Trần Công, bạn của Lê Thái Công. Giáng Tiên sinh được hai con thì chết, lúc 21 tuổi. Thiên đình gọi nàng về trời. Nhưng về trời rồi nàng lại nhớ cõi trần, nhớ chồng, nhớ con nên xin vua trời cho tái hợp hạnh phúc gia đình.*

*Vua trời đồng ý cho nàng xuống hạ giới, nàng thăm chồng con và gia đình chồng, nhưng không ở lại với chồng con được vì là người trời, người cõi tiên. Liễu Hạnh hoá phép để bốn cột đàn ông, khi là cô gái đẹp, khi là bà lão. Nàng từng họa thơ với trạng Bùng (Phùng Khắc Khoan), một danh sĩ thế kỷ thứ XVI, thời Lê - Mạc phân tranh...*

Chuyện về nàng Giáng Tiên đã xuất hiện từ lâu, trước khi bà Đoàn Thị Điểm đưa vào sách *Truyện kỳ tân phá*, nhưng mới ở dạng thức truyền miệng hay văn học dân gian.

Có thể ông Lê Thái Công là con người thật và cũng có thể có thật cả cô con gái Giáng Tiên của ông ta. Song cô con gái của ông trở thành *Vân Cát thần nữ*, bà chúa Liễu Hạnh, nhân vật trung tâm của *Nhân phủ* và cũng là hình tượng trung tâm của *Tứ phủ* thì đó là hệ quả của một quá trình xây dựng hình tượng bà chúa Liễu Hạnh rất công phu và tinh vi của một hoặc một nhóm trí thức nào đó trong vùng Vân Cát, Vụ Bản, Nam Định (trước đây là trấn Sơn Nam) với chủ ý rõ rệt biến nơi đây thành trung tâm tín ngưỡng bản địa thờ Mẫu. Và họ đã thành công.

Một số học giả cho rằng sự xuất hiện và phát triển của tín ngưỡng thờ Mẫu Liễu Hạnh phù hợp với trào lưu thời đại thời nhà Mạc, khi mà triều đình khuyến khích sự phát triển của thương mại, hòa nhịp với trào lưu phát triển thương mại của toàn thế giới lúc bấy giờ - khi nhân loại biết đến những phát kiến địa lý lớn, khi thương thuyền Tây Dương (Tây Ban Nha, Bồ Đào Nha, Pháp, Hà Lan...) tung hoành trên các đại dương, kể cả Thái Bình Dương của chúng ta. Theo họ sự xuất hiện của tín ngưỡng thờ Mẫu Liễu Hạnh cũng như hiện tượng *Chử Đạo Tổ* (Chử Đồng Tử - Tiên Dung) trên sông Hồng quanh vùng Phố Hiến phù hợp với tâm lý của người đi buôn, đặc biệt là nữ giới hành nghề buôn bán. Ý kiến ấy, có lẽ không sai. Vùng Sơn Nam Hạ vào thời Mạc và thời Lê Trung Hưng cũng đã biết đến một sự phát đạt trong lĩnh vực thương mại. Tại đây, vào thời điểm ấy đã xuất hiện một loạt các làng nghề thủ công nức tiếng cũng như những làng buôn nổi tiếng. Dân gian đã chấp nối nhiều cuộc đời thành hình tượng Liễu Hạnh, làm nhân vật này trở nên *ly kỳ hoá*, cốt để hấp dẫn các tín đồ đạo Mẫu, đặc biệt là các bà, các mẹ, các chị.

4. Cụm di tích Phủ Giầy ở xã Kim Thái (trước là An Thái) đóng vai trò quan trọng trong lễ hội Phủ Giầy từ 1 đến 10 tháng ba âm lịch hàng năm, nhân dịp giỗ Thánh Mẫu Liễu Hạnh.

Ngày 1 tháng ba, dân làng tế lễ kỵ Thánh Mẫu. Mồng 3 tháng ba trở đi là cuộc tế của các quan viên, thay mặt triều đình về để làm lễ quốc tế, với những nghi thức của triều đình.

Mồng 6 có cuộc rước kiệu bát nhang công chúa Liễu Hạnh từ phủ chính lên chùa Gôi rất long trọng, chỉ có các thiếu nữ đồng trinh xiêm y lộng lẫy mới được chọn để khiêng kiệu, vồng, long đình...

Mồng 7 có hội *kéo chữ* rất độc đáo, diễn lại tích Phùng Thị Ngọc Đài ở Vụ Bản, là một người đàn bà cực kỳ xinh đẹp, thông minh, tài ba. Chúa Trịnh Tráng cưới cô ta về làm vương phi. Trịnh Thị đã xin với nhà Chúa cho phép dân Vụ Bản khỏi phải đi lao dịch khổ sở ở kinh đô. Theo truyền thuyết thì trước khi được làm vương phi, Trịnh Thị đã cầu khẩn Thánh Mẫu. Lễ hội cũng là dịp để người ta thưởng thức hát chầu văn - đặc sản văn hóa đất Sơn Nam Hạ - cùng hát chèo, hát trống quân, tuồng, hát xẩm, hát ca trù, đẩu vật, chọi gà, đánh cờ, kéo co..., nghĩa là tại Phủ Giầy có đủ các môn thể thao, văn nghệ và người trẩy hội thưởng thức văn hóa ẩm thực độc đáo, của ngon vật lạ toàn vùng Thiên Trường. Có thể nói, dù nước ta có vô vàn lễ hội dân gian, song Phủ Giầy - vẫn xứng đáng là lễ hội độc đáo nhất trời Nam. Sánh được với nó, có lẽ, chỉ có lễ hội *Nữ Nường, Trò Trám* ở Di Nậu, Tứ Xã, Phú Thọ mà thôi.

Trong lễ hội Phủ Giầy rất nổi tiếng có chuyện *lên đồng*. Song đây chính là sự đặc sắc, nét độc đáo của lễ hội Phủ Giầy cũng như của tín ngưỡng thờ Mẫu. Nếu bỏ nó đi cũng có nghĩa là tước đoạt những gì độc đáo nhất của lễ hội Phủ Giầy. Tuy nhiên không nên lợi dụng tín ngưỡng Mẫu Liễu để tiến hành mê tín dị đoan thái quá.

Tỉnh Nam Định cần tiến tới xây dựng một dự án phát triển du lịch với một quy mô hoành tráng, biến vùng này thành một trung tâm thu hút khách du lịch vào loại số một ở nước ta. Hơn đâu hết nếu người ngoại quốc cũng như du khách quốc nội muốn tìm hiểu truyền thống tôn giáo bản địa, thuần chất Việt Nam, không đâu bằng đến tìm hiểu, tham quan du lịch nơi đây.